

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
*Bản án số: 34/2020/HSST  
Ngày: 21/5/2020*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dũng

**Các hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Nguyễn Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Minh Huân;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Khuê – Thư ký tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 31/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HS ngày 08/5/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1994 tại Bình Thuận

- Nơi cư trú: Khu phố 3, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Lê H (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị bắt ngày 17/01/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:**

1/ Ông Châu Thái H1, sinh năm 1983 (vắng mặt)  
Trú tại: Khu phố 6, phường ĐL, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1975 (có mặt)  
Trú tại: Khu phố 7, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 2000 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Công ty nước đá Hiệp Lợi, Khu A cảng cá Nam P, khu phố 5, phường L,

thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1992 (vắng mặt)  
Trú tại: Thôn TT, xã TL, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984 (vắng mặt)  
Trú tại: 480 TĐ, khu phố 3, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 12/10/2019, Nguyễn Tấn T đi bộ trên các tuyến đường thuộc phường ĐL với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước nhà anh Châu Thái H1 (sinh năm 1983, trú tại khu phố 6, phường ĐL, TP. P) thì Thành phát hiện anh H1 có dựng 01 chiếc xe mô tô biển số 86L1-8116, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa, xung quanh không có người trông coi. Thấy vậy, Thành lén lút tiếp cận chiếc xe mô tô rồi ngồi lên xe, mở khóa xe và điều khiển xe tẩu thoát. Khi đang tẩu thoát đến hẻm 74 đường TC thuộc phường ĐL thì bị anh H1 cùng người dân xung quanh bắt giữ được cùng tang vật. Sau đó người dân đã đưa T cùng tang vật đến Công an phường ĐL để trình báo. *(bút lục số 116)*

**Tại kết luận định giá tài sản số 228 ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP. P kết luận:** 01 chiếc xe mô tô hiệu DAMSAN, biển số 86L1-8116, số máy: 0PMG00189187, số khung: GAUM5H189187 trị giá 3.500.000 đồng. *(bút lục số 46)*

#### **Vật chứng của vụ án:**

- 01 chiếc xe mô tô hiệu DAMSAN, biển số 86L1-8116, số máy: 0PMG00189187, số khung: GAUM5H189187. *(do anh H1 giao nộp)*

Cơ quan CSĐT - Công an Tp.P đã trả lại tài sản trên cho bị hại anh Châu Thái H1, anh H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự. *(bút lục số 64)*

Quá trình điều tra, xác định trong khoảng thời gian: từ ngày 08/10/2019 đến ngày 23/12/2019, T còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn TP. P. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 17 giờ ngày 08/10/2019, do không có tiền tiêu xài nên Thành đi bộ dọc theo các tuyến đường thuộc phường L, TP. P với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi tới trước nhà anh Trần Văn T1 (sinh năm: 1975, trú tại khu phố 7, phường L, TP. P) thì phát hiện cửa nhà anh T1 khép hờ, xung quanh không có người trông coi. T đột nhập vào nhà anh T1 thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô biển số 86C1-432.60 đang để trong nhà, chìa khóa còn trên ổ khóa. T dắt chiếc xe mô tô biển số 86C1-432.60 ra bên ngoài rồi nổ máy xe chạy tẩu thoát. Sau đó, T điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được đến nhà của Nguyễn Văn H2 (sinh năm:

1992, trú tại thôn TT, xã TL, TP. P) để cầm thế. Tại đây, T nói với H2 là do cần tiền nên đem xe đi cầm với giá 800.000 đồng và 01 tuần sau sẽ quay lại chuộc xe, nếu không quay lại thì H2 cứ sử dụng xe bình thường. Do quen biết từ trước và chưa thấy T trộm cắp tài sản bao giờ nên H2 đồng ý cầm thế chiếc xe trên cho T với giá 800.000 đồng. Sau đó, T cầm tiền rồi bỏ đi và tiêu xài hết số tiền trên. Khoảng 01 tuần sau không thấy T quay lại chuộc xe nên anh H2 đã đem xe đi sửa để sử dụng.

Đến khoảng 08 giờ ngày 10/10/2019, anh T1 đã đến Công an phường L trình báo vụ việc bị kẻ gian trộm cắp tài sản. (*bút lục số 106*)

**Tại kết luận định giá tài sản số 229 ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự TP. P kết luận:** 01 xe mô tô hiệu PenMal biển số: 86C1-432.60, số máy: KPTDS152FMH000800307, số khung: RPHWCHMUM5H080307 trị giá 2.500.000 đồng. (*bút lục số 44*)

***Vật chứng của vụ án:***

- 01 xe mô tô hiệu PenMal biển số: 86C1-432.60, số máy: KPTDS152FMH000800307, số khung: RPHWCHMUM5H080307.

- 01 giấy đăng ký xe số 00588, đứng tên chủ sở hữu là anh Trần Văn T1. (do H2 giao nộp)

Cơ quan CSĐT - Công an Tp.P đã trả lại tài sản trên cho bị hại anh Trần Văn T1, anh T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự. (*bút lục số 62*)

Đối với anh Nguyễn Văn H2 là người đã cầm thế chiếc xe mô tô biển số 86C1-432.60 từ T, sau khi giao nộp lại tài sản thì anh H2 không yêu cầu Thành phải trả lại cho anh số tiền 800.000 đồng.

**Vụ thứ hai:** Vào khoảng 16 giờ ngày 10/10/2019, T có đến cơ sở sản xuất nước đá Hiệp Lực tại khu phố 5, phường L, TP. P để xin việc làm nhưng không được. Sau đó, T đi lên phòng ngủ của công nhân cơ sở sản xuất nước đá Hiệp Lực thì thấy anh YA B (sinh năm: 2003, trú tại xã LS, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận) đang nằm ngủ trong phòng, bên cạnh cửa ra vào phòng có 01 chiếc điện thoại di động hiệu VIO đang cắm sạc nên Thành nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thành đã lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi bỏ đi.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại đã trộm cắp được đến tiệm điện thoại Minh V tại phường ĐL gặp anh Trần Minh V (sinh năm: 1988, trú tại xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định) làm chủ, T nói với anh V là điện thoại của mình nhưng bị quên mật khẩu nên muốn mở lại mật khẩu, anh V nói giá hết 100.000 đồng thì T nói là muốn bán luôn. Thấy T nói là điện thoại của mình nên anh V đồng ý mua lại với giá 500.000 đồng. T cầm tiền rồi bỏ đi và tiêu xài hết. Đến ngày 11/10/2019, anh V đã bán lại chiếc điện thoại mua từ T với giá 650.000 đồng cho 01 người khách (không rõ nhân thân).

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 10/10/2019, sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh YA B đã đến Công an phường L trình báo. (*bút lục số 109*)

Tại Công văn số 11/HĐĐG ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. P nêu: “Do tang vật vụ án chưa thu hồi được, vì vậy Hội đồng không có cơ sở để định giá tài sản”. *(bút lục số 49)*

Đối với bị hại YA B, anh B không yêu cầu T bồi thường gì về dân sự.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 17 giờ ngày 23/12/2019, do không có tiền tiêu xài nên T đã đi bộ dọc theo các tuyến đường thuộc phường L, TP. P với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi tới khu phố 5, phường L – trước Công ty nước đá “Hiệp Lợi” thì T đi vào bên trong Công ty phát hiện 01 điện thoại di động Iphone 11 của anh Nguyễn Thanh H (sinh năm: 2000, trú tại thôn B, xã H, huyện HB) đang để bên trong túi áo khoác móc tại tủ điện trong trụ sở Công ty. T lén lút trộm cắp chiếc điện thoại của anh H rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Sau khi chiếm đoạt tài sản thì T đem chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến tiệm điện thoại Hưng T tại khu phố 3, phường L để bán. Tại đây, T gặp chị Nguyễn Thị L1 (sinh năm: 1984, trú tại khu phố 3, phường L) là chủ cửa hàng và nói điện thoại của mình do quên mật khẩu nên muốn bán. Chị L1 tin tưởng và đồng ý mua lại chiếc điện thoại từ T với giá 4.000.000 đồng, số tiền có được T đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh H đã đến Công an phường L trình báo vụ việc bị kẻ gian trộm cắp tài sản. *(bút lục số 123)*

**Tại kết luận định giá tài sản số 06 ngày 10/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. P kết luận:** 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11, số IMEI: 356339104904141 trị giá 18.891.000 đồng. *(bút lục số 48)*

***Vật chứng của vụ án:***

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11, số IMEI: 356339104904141 do chị L1 giao nộp.

Cơ quan CSĐT – Công an TP. P đã trả lại tài sản trên cho bị hại anh Nguyễn Thanh H, anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự. *(bút lục số 66)*

Đối với chị Nguyễn Thị L1 là người đã mua chiếc điện thoại Iphone 11 từ Thành, sau khi giao nộp lại tài sản thì chị L1 không yêu cầu Thành phải trả lại số tiền 4.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 38/CT/VKS ngày 31 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù.

Về dân sự người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

Về xử lý vật chứng: không có

Bị cáo Nguyễn Tấn T xác định cáo trạng truy tố là không oan sai, bị cáo không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì bị cáo ăn năn hối H về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

### **NH ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

**Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử NH thấy như sau:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### **[2] Về căn cứ để buộc tội bị cáo**

Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Tấn T thực hiện: Từ ngày 08/10/2019 đến ngày 23/12/2019, Nguyễn Tấn T đã thực hiện liên tiếp 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn TP.P, với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 24.891.000đ.

- Khoảng 17 giờ ngày 08/10/2019, Nguyễn Tấn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 86C1-432.60 (trị giá 2.500.000.đ) của anh Trần Văn T1 tại khu phố 7, phường L.

- Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 12/10/2019, Nguyễn Tấn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 86L1-8116 (tổng giá trị 3.500.000đ) của anh Châu Thái H1 tại khu phố 6, phường ĐL.

- Khoảng 17 giờ ngày 23/12/2019, Nguyễn Tấn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 11 (trị giá 18.891.000.đ) của anh Nguyễn Thanh H tại khu phố 3, phường L.

Cáo trạng truy tố đối với bị cáo với tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét bị cáo Nguyễn Tấn T vì động cơ tư lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nguy hiểm cao cho xã hội, không những xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản của công dân mà còn tạo dư luận xấu, gây mất trật tự trị an cho xã hội do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm.

Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cho thấy: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi của mình đối với xã hội, ý thức được quyền sở hữu đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất ổn định về trật tự tại địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội.

Nguyễn Tấn T đã 03 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” với mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập, nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Tấn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Văn H2, Trần Minh V và Nguyễn Thị L1 là người đã mua và cầm thế lại tài sản trên nhưng không biết số tài sản đó do Nguyễn Tấn T phạm tội mà có. Do đó không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H2, V và L1.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo các bị hại ông Châu Thái H1, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Thanh H, đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Không

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

\* **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

\* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Tấn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/01/2020.

\* **Về bồi thường dân sự:** Các bị hại ông Châu Thái H1, ông Trần Văn T1, ông Nguyễn Thanh H đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xét.

\* **Về án phí:** Áp dụng khoản 02 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bị cáo và bị hại Trần Văn T1 là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp P;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán Chủ Tọa Phiên Tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Dũng**